

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2019/DS-PT.
Ngày: 23 - 10 - 2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến.

Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Trần Vũ Tính – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2019/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2019/QĐPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn S, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu vực B, phường M, thị xã Z, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã Z, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bà Phạm T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn S trình bày: Vào ngày 10/5/2014, ông có cho bị đơn bà Phạm T vay số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 400.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán; đến ngày 12/6/2014 bà T vay thêm số tiền 4.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản vay với số tiền là 11.000.000 đồng, lãi suất

thỏa thuận là 500.000 đồng/11.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả nợ là vào ngày 12/8/2014. Việc vay tiền bà T có làm biên nhận cho ông; ngày 12/6/2014, bà T có đóng tiền lãi được 400.000 đồng của khoản vay 7.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/5/2014; ngày 28/12/2017 bà T có đóng tiền lãi được 1.000.000 đồng; sau đó có trả thêm 1.500.000 đồng, tổng cộng tiền lãi bà T đã đóng cho ông được 2.900.000 đồng rồi ngưng trả cho đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm T trả cho ông số tiền vốn 11.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật; ông đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận 2.900.000 đồng mà bà T đã trả cho ông.

Bị đơn bà Phạm T trình bày: Đối với 02 biên nhận mà ông S cung cấp thì bà thừa nhận là chữ viết và chữ ký của bà. Tuy nhiên đối với số tiền vay 4.000.000 đồng thì lãi suất thỏa thuận là 50.000 đồng/tháng/triệu, biên nhận này bà đã trả đủ vốn và lãi cho ông S. Còn biên nhận nợ với số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 400.000 đồng/tháng và bà đã đóng đủ tiền lãi cho ông S từ năm 2014 đến năm 2017 thì ngưng đóng cho đến nay; khoản vay này bà đã trả được 2.500.000 đồng tiền vốn. Việc bà trả nợ và đóng tiền lãi cho ông S không có giấy tờ gì thể hiện nhưng có chính quyền địa phương biết vì bà có báo với chính quyền địa phương. Nay bà chỉ còn nợ ông S là 4.500.000 đồng và sẽ trả nợ cho ông S vào tháng 12/2019.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2019/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn S.

Buộc bị đơn bà Phạm T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn S số tiền vốn, lãi tổng cộng là 13.139.250 đồng. Trong đó: vốn là 11.000.000 đồng, lãi là 2.139.250 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, bà Phạm T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Bà chỉ đồng ý trả cho ông S số tiền còn nợ là 6.639.250 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bà Phạm T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu; về thủ tục tố tụng, Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định; về nội dung vụ án, đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà T Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn S khởi kiện yêu cầu bà Phạm T trả tiền vay theo biên nhận ngày 10/5/2014 (bút lục 03) và biên nhận ngày 12/6/2014 (bút lục 04) với tổng số tiền là 11.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định. Trong quá trình giải quyết, bà T thừa nhận có viết biên nhận và ký tên tại 02 biên nhận mà ông S cung cấp. Do đó, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà T cho rằng khoản vay của số tiền vay 4.000.000 đồng bà đã trả đủ vốn và lãi cho ông S. Còn biên nhận nợ với số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 400.000 đồng/tháng và bà đã đóng đủ tiền lãi cho ông S từ năm 2014 đến năm 2017 thì ngưng đóng cho đến nay; khoản vay này bà đã trả được 2.500.000 đồng tiền vốn. Nên chỉ đồng ý tiếp tục trả cho ông S là 6.639.250 đồng.

Xét thấy, lời trình bày của bà T không được ông S thừa nhận và bà cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh về việc đã trả được một phần nợ vay cho ông S. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền 11.000.000 đồng và lãi suất theo quy định là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm T không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có cơ sở. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Bà Phạm T chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn S.

Buộc bị đơn bà Phạm T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn S số tiền là 13.139.250 đồng. Trong đó: vốn là 11.000.000 đồng, lãi là 2.139.250 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm T phải chịu 656.962 đồng (sáu trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Ông Nguyễn S được nhận lại 396.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0019365 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phạm T đã nộp theo biên lai số 0021345 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/10/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã Z;
- Chi cục THADS thị xã Z;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Đình Nghệ